

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2018/HS-ST**
Ngày 29-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Tiến

- Ông Lê Đức Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST - HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình V, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1998; sinh và trú tại: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình K và bà Ngô Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Nguyễn Thế L, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1991 sinh và trú tại: Thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế G và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Hoàng Khắc H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Bà Viên Thị L1, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn T3, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá,

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Vũ Quang Q, sinh năm: 1998 (vắng mặt)
2. Anh Hoàng Khắc H2, sinh năm: 1991 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Thôn T3, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá
3. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1997 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn K1, xã H3, huyện T5, tỉnh Thanh Hoá,
4. Ông Lê Đình K, sinh năm: 1972 (có mặt)
Nơi cư trú : Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá,
5. Chị Vũ Thị H4, sinh năm: 1986 (vắng mặt)
Nơi cư trú : Thôn 1, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá,
6. Anh Nguyễn Thế L2, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Nơi cư trú : Thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hoá,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/7/2017 Lê Đình V đến sửa nhà cho Nguyễn Thế L tại thôn 1, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chiều tối cùng ngày, L mượn xe của anh trai là Nguyễn Thế L2 để chở Vg về nhà. Trên đường về, V rủ L đến đám cưới ở thôn T3, xã S để trộm cắp xe mô tô. L đồng ý và chở V về nhà thay quần áo đồng thời lấy vạm phá khóa đi đến đám cưới. Đến nơi, V bảo L đợi bên ngoài còn V vào trong. Khi thấy chiếc xe mô tô BKS 36B4-612.33 của anh Hoàng Khắc H1 dựng tại bãi xe bên cạnh đám cưới, V dùng vạm phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe vừa trộm cắp được về nhà L, còn L điều khiển xe đi phía sau. Về nhà L, V mở cốp xe thấy bên trong có 01 đăng ký xe BKS 36B4-612.33; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Khắc H1 và tiền Việt Nam 150.000đ. V giữ lại giấy tờ và tiền, ví V ném tại bờ đầm Húng ở thôn Đức Minh, xã S. Xe mô tô V bán cho L với giá 4.500.000đ, do không có tiền nên L vay của anh L2 (anh trai) 2.000.000đ để đưa cho V. Ngày 02/7/2017 L đem xe trả cho V vì lo sợ. V mang xe đến nhà chị Vũ Thị H4 gửi. Ngày 03/7/2017 V và L đem xe đến nhà anh Nguyễn Văn T4 cầm đồ lấy 10.000.000đ. V trả cho L 2.000.000đ, số còn lại cả hai cùng tiêu xài một phần trong số tiền cầm xe. Số còn lại V đã sử dụng trong quá trình bỏ trốn vào tỉnh Bình Dương.

Ngày 18/7/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu trắng, đen BKS 36B4-612.33 có giá 18.000.000đ.

Ngày 19/02/2018, V đã đến Công an huyện Nông Cống đầu thú.

Tài sản thu giữ: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 36B4-612.33 do anh Lê Đình K (bố đẻ V) giao nộp để phục vụ quá trình điều tra, hiện nay đã trả lại cho chủ sở hữu anh Hoàng Khắc H1

Đối với chiếc Vam dùng để mở khóa Lê Đình V khai đã vứt dọc đường, nên không thu giữ được.

Về phần dân sự: Ngày 21/3/2018, CQĐT Công an huyện Nông Cống đã trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp và người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Khắc H1. Sau khi nhận lại tài sản, anh H1 không có yêu cầu và đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn T4 là chủ cửa hàng cầm đồ tại xã H3, huyện T5, khi anh nhận cầm cố chiếc xe, anh không biết tài sản là tài sản do trộm cắp. Vì vậy, cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống không có căn cứ để xử lý anh T4.

Chiếc xe mô tô Nguyễn Thế L dùng để chở Lê Đình V đi trộm cắp tài sản là xe L mượn của anh trai. Sau khi L chở V về, L trả xe cho anh L2. Hiện nay anh L2 đã đem chiếc xe đó vào miền Nam làm ăn nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố các bị cáo Lê Đình V và Nguyễn Thế L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo mức án nghiêm trọng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; về trách nhiệm dân sự gia đình bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 53 BLHS (đối với cả hai bị cáo), khoản 2 Điều 46 BLHS (đối với bị cáo V) đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo V từ 12 đến 15 tháng tù; bị cáo L từ 9 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xét. Bị cáo V phải chịu án phí HSST, miễn án phí HSST cho bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 20 giờ ngày 01/7/2017 tại thôn T3, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình V và Nguyễn Thế L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01

chiếc xe mô tô, BKS 36B4-612.33 của anh Hoàng Khắc H1 trị giá 18.000.000đ. Giá trị tài sản trộm cắp thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lê Đình V và Nguyễn Thế L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trọng xứng với hành vi thực hiện tội phạm mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tính chất đồng phạm: Là hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo V là người rủ rê, khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xếp vị trí thứ nhất. Bị cáo L là người thực hành xếp vị trí thứ hai.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có chung các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo V có thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Cả hai bị cáo là người nghiện ma túy.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nhất là nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản; HĐXX xét thấy cần cách ly các bị cáo một thời gian với điều kiện, môi trường cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam để giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt có ý thức tôn trọng pháp luật đồng thời góp phần vào việc răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo V phải chịu án phí HSST. Bị cáo L thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình V và Nguyễn Thế L phạm tội “Trộm cắp tài sản” Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 53 BLHS đối với cả hai bị cáo; khoản 2 Điều 46 BLHS đối với riêng bị cáo V;

Xử phạt Lê Đình V 17 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (19/02/2018).

Xử phạt Nguyễn Thế L 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết: Buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn án phí HSST cho bị cáo L.

Các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho BH;
- VKS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tình